

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 99/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2024/NĐ-CP NGÀY 24 THÁNG 4 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 2

“2. Cơ quan quản lý đường bộ, gồm:

a) Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương là tổ chức trực thuộc Bộ Xây dựng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đường bộ.

b) Cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về đường bộ.

c) Cơ quan quản lý đường bộ cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), gồm:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã là cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã (cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về đường bộ) và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì các cơ quan, đơn vị (Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản) có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản. Việc có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và việc xác định tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản này được thực hiện bằng văn bản và thể hiện trong hồ sơ khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan. Không thực hiện việc chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng đường bộ. Trường hợp thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất gắn với tài sản, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 5

“1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc trung ương quản lý.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý.

2. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hình thức ghi tặng tài sản.

Sau khi được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường bộ và pháp luật có liên quan. Trường hợp cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương phân cấp/ủy quyền/giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền/giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) thực hiện kế toán, quản lý hồ sơ, lưu trữ hồ sơ, bảo trì, báo cáo kê khai, đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và các nội dung khác (nếu có) thì cơ quan quản lý đường bộ phải quy định rõ nội dung phân cấp/ủy quyền/giao và quy trình nội bộ để bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này. Riêng việc phân cấp/ủy quyền/giao thực hiện kế toán, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Việc phân cấp/ủy quyền trong các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

“Điều 6. Thẩm quyền quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc trung ương quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7

1. Bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được điều chuyển sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 5 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản sao.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Phương thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Tiền thu từ cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và các dịch vụ khác quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều này, khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Trường hợp sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ vào mục đích an ninh - quốc phòng, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai và cứu nạn; xây dựng, lắp đặt biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị - xã hội, an toàn giao thông; sử dụng tạm thời một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (lòng đường, hè phố) để tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ hoặc các hoạt động khác trên đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan; không thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thì việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông và pháp luật về đường bộ; không thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Nghị định này. Riêng việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

c) Trường hợp xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thì việc xây dựng, lắp đặt thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến phát triển giao thông xanh và pháp luật về đường bộ; không thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Nghị định này. Riêng việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

d) Trường hợp cần thiết sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp) theo đề nghị khai thác hỗn hợp của bộ, ngành, địa phương khác (Bên đề xuất khai thác hỗn hợp) thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ) quyết định việc khai thác hỗn hợp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật liên quan đến tài sản khác đó. Trong thời gian khai thác hỗn hợp, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, Bên có tài sản

kết cấu hạ tầng đường bộ và Bên đề xuất khai thác hỗn hợp có trách nhiệm phối hợp đảm bảo giao thông thông suốt và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, xác định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan (trong đó có trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ). Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác hỗn hợp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

đ) Trường hợp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

“Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác

1. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường bộ và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được sử dụng để cung cấp dịch vụ khác (không phải là dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được cung cấp dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ đó, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của giao thông đường bộ.

3. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định tại điểm a khoản 5 Điều này:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án): 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.”.

2. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan

(nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba).

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về

dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyên nhượng (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyên nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyên nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyên nhượng vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn thông báo và nộp tiền cho Bên chuyên nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyên nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 9 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại khoản 6, khoản 6a Điều 14 Nghị định này. Riêng Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ, hành lang an toàn đường bộ phù hợp với quy định của pháp luật về đường bộ), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liên tiếp theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá, do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 9 như sau:

“1) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc nhận thuê quyền khai thác tài sản (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn thông báo và nộp tiền cho Bên cho thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên thuê

phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 9 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5 và 6 như sau:

“4. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại khoản 6, khoản 6a Điều 14 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường bộ tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm

quản lý, khai thác công trình đường bộ (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để đảm bảo thực hiện hợp đồng, Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận

chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 9 như sau:

“o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 5 Điều 17

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền; đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

b) Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, kết quả

thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (trong đó đề xuất cụ thể giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này: 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

“Điều 18. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và các trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 12 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ là phí sử dụng đường bộ và các khoản phí khác theo quy định của pháp luật quy định tại điểm a, điểm d khoản 3 Điều 12 Nghị định này được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ là tiền thu từ cung cấp các dịch vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này (bao gồm cả số tiền thu được quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 12 Nghị định này) được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 8 Luật số 90/2025/QH15.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi

trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Nộp ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên chuyển nhượng quyền thu phí, Bên cho thuê quyền khai thác, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định này. Riêng chi phí phục vụ công tác quản lý trong thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại điểm b khoản này được bố trí hàng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

d) Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí, Bên thuê quyền khai thác, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản vào tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan, đơn vị quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này, không bao gồm chi phí phục vụ công tác quản lý được bố trí hàng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (sau khi trừ các

chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

c) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản sao;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này);

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản.”.

3. Sửa đổi điểm a khoản 5 như sau:

“a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương.

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này;

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.”.

2. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Riêng cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương, cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ,

cơ quan khác ở trung ương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này. Sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản điều chuyển sang Bộ Xây dựng), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản điều chuyển sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 7 Nghị định này.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản sao;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển giao tài sản từ Bộ Xây dựng về địa phương; cơ quan chức năng của địa phương quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với trường hợp chuyển giao tài sản của địa phương); danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với trường hợp còn lại), cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

h) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao, bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

i) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ năm nhận chuyển giao đến năm hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao

đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất (đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật), thông báo cho người có nhu cầu giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (đối với các trường hợp không phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật).

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm

d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) từ việc phá dỡ, hủy bỏ công trình được xử lý như sau:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền đã quyết định thanh lý tài sản để quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì, trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

b) Điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng:

Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển theo phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính; văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản sao;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm này xem xét, quyết định.

Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan, đơn vị có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường bộ:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường bộ. Việc tổ chức thực hiện bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

“Điều 26. Xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1. Việc giao lại tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ mà tài sản đã giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này thì phải thực hiện thu hồi hoặc điều chuyển tài sản đó để giao cho doanh nghiệp.

2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đang quản lý tài sản thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ gồm những nội dung chủ yếu sau:

Tên doanh nghiệp quản lý tài sản.

Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản).

Hình thức giao tài sản: Theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Căn cứ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại điểm b khoản này, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giao cho doanh nghiệp được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đang quản lý tài sản thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đang quản lý tài sản quyết định điều chuyển tài sản từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp) quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ gồm những nội dung chủ yếu quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

c) Căn cứ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại điểm b khoản này, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giao cho doanh nghiệp được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương hoặc cơ quan ở trung ương được giao nhiệm vụ (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) thực hiện xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cấp tỉnh hoặc cơ quan ở trung ương được giao nhiệm vụ phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương hoặc cơ quan ở trung ương được giao nhiệm vụ (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cấp tỉnh hoặc cơ quan ở trung ương được giao nhiệm vụ.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương hoặc cơ quan ở trung ương được giao nhiệm vụ (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý) trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sau khi giao cho doanh nghiệp và chế độ báo cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về đường bộ, pháp luật khác có liên quan và quy định sau:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giao cho doanh nghiệp quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn với công trình, hạng mục công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

d) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm đăng ký đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường bộ và pháp luật có liên quan.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Chương III Nghị định này.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 27

“Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Nộp ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý;

Nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ gồm:

- a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.
- b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.
- c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.
- d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.
- đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.
- e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản phê duyệt để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 3 như sau:

“a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29

“3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ. Trường hợp cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương phân cấp/ủy quyền/giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền/giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh) theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì các tổ chức, đơn vị được phân cấp/ủy quyền/giao thực hiện lập báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 4 Điều 32

“b) Trường hợp đã đấu giá thành nhưng chưa ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định thì tiếp tục thực hiện các thủ tục để hoàn thành việc mua bán tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định, người mua tài sản (người trúng đấu giá) có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan quản lý tài sản. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng đã ký kết thì cơ quan quản lý tài sản tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền mua bán tài sản chậm nộp, thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền mua tài sản được thanh toán đầy đủ cho cơ quan quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại hợp đồng mua bán tài sản.

c) Trường hợp đã tổ chức đấu giá thành và đã ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định nhưng người mua tài sản (người trúng đấu giá) chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản cho cơ quan quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết thì người mua tài sản tiếp tục thanh toán tiền mua tài sản theo hợp đồng đã ký kết. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng thì cơ quan quản lý tài sản tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền mua bán tài sản chậm nộp, thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền mua tài sản được thanh toán đầy đủ cho cơ quan quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết.”.

Điều 22. Thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng” tại toàn bộ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

2. Thay thế cụm từ “tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ” thành “tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ” tại toàn bộ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

3. Thay thế cụm từ “pháp luật giao thông đường bộ”, “pháp luật về giao thông đường bộ” thành “pháp luật về đường bộ” tại toàn bộ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

4. Thay thế cụm từ “pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” thành “pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” tại điểm a khoản 2 Điều 1.

5. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan quản lý đường bộ” tại khoản 4 Điều 2.

6. Thay thế cụm từ “Trạm kiểm tra tải trọng xe” thành “Công trình kiểm soát tải trọng xe” tại điểm đ khoản 1 Điều 3.

7. Thay thế cụm từ “khoản 2, khoản 3 Điều 22” thành “các khoản 2, 3 và 3a Điều 22” tại khoản 6 Điều 5.

8. Thay thế cụm từ “điểm d khoản 1 Điều này” thành “điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này” tại điểm b khoản 5 Điều 7.

9. Thay thế cụm từ “giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B” thành “Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu

(quyết toán A-B)” tại điểm a khoản 3 Điều 9.

10. Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định” thành “Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định” tại điểm c khoản 2 Điều 10.

11. Thay thế cụm từ “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định”, “Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định” thành “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt theo quy định”, cụm từ “Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán theo quy định” thành “Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán/Báo cáo quyết toán chưa được thẩm định, xét duyệt theo quy định”; “Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán theo quy định” thành “Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán/Báo cáo quyết toán của năm cuối cùng chưa được thẩm định, xét duyệt theo quy định” tại điểm đ khoản 11 Điều 14, điểm g khoản 9 Điều 15, khoản 1 Điều 17.

12. Thay thế cụm từ “ban hành Quy định thẩm quyền quyết định” thành “phân cấp thẩm quyền quyết định” tại điểm a khoản 2 Điều 25; thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định” tại điểm b khoản 2 Điều 25.

13. Thay thế cụm từ “Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính” thành “Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản sao” tại điểm a khoản 3 Điều 25, cụm từ “30 ngày” thành “15 ngày” tại điểm b khoản 3 Điều 25.

14. Thay thế cụm từ “báo cáo Thủ tướng Chính phủ” thành “cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cơ chế thí điểm để quyết định việc thực hiện” tại khoản 5 Điều 32.

15. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan, đơn vị quản lý tài sản” tại các khoản 3, 5 và 6 Điều 5, các Điều 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 21, 22, 23, 24, 25, 28, 29 và 30, khoản 1 Điều 32, các Mẫu số 01A, 01C, 02B, 02C và 02D tại Phụ lục.

16. Thay thế cụm từ “cơ quan quy định tại” thành “cơ quan, đơn vị quy định tại” tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 5; thay thế cụm từ “CƠ QUAN...” thành “CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...” tại các Mẫu số 01C, 02B, 02C và 02D tại Phụ lục.

17. Thay thế cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017”

thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15” tại các Mẫu số 02B, 02C và 02D tại Phụ lục.

18. Thay thế cụm từ “Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ” thành “Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../ND-CP ngày...../...../..... của Chính phủ” tại các Mẫu số 01, 01A, 02B, 02C và 02D tại Phụ lục.

19. Bãi bỏ Điều 19, các Mẫu 01B, 02A và 02Đ.

20. Bãi bỏ cụm từ “báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để” tại điểm a khoản 3 Điều 25.

21. Bãi bỏ cụm từ “Riêng khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này về sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có hiệu lực thi hành đến khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành.” tại khoản 1 Điều 33.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 12/2025/NĐ-CP NGÀY 20 THÁNG 01 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), gồm:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã là cơ quan chuyên môn về đường thủy nội địa cấp xã (cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về đường thủy nội địa) và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan, đơn vị (Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường thủy nội địa, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản) có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản. Việc có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và việc xác định tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản này được thực hiện bằng văn bản và thể hiện trong hồ sơ khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.”.

2. Bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng đường thủy nội địa vừa sử dụng làm mục đích khác) thuộc phạm vi quản lý của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao quản lý tài sản theo quy định sau:

a) Giao cho từng đối tượng quản lý tài sản theo nguyên tắc: Tài sản giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định này; tài sản giao cho đối tượng quản lý tương ứng với hạ tầng khác, tài sản khác (không phải là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định này) thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản được thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản áp dụng đối với đối tượng quản lý tương ứng với hạ tầng khác, tài sản khác.

b) Giao cho một đối tượng được giao quản lý để quản lý toàn bộ tài sản. Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các công năng của tài sản.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 5

“1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc trung ương quản lý.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

2. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hình thức ghi tặng tài sản.

Sau khi được giao quản lý tài sản, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. Trường hợp cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh) thực hiện kế toán, quản lý hồ sơ, lưu trữ hồ sơ, bảo trì, kê khai, đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các nội dung khác (nếu có) thì phải được Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) đồng ý bằng văn bản và phải có văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa quy định rõ nội dung phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao và quy trình nội bộ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các dịch vụ khác quy định tại khoản 4 Điều này, khoản 1, khoản 3 Điều 13 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; không thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này. Riêng việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp

đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

b) Trường hợp xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì việc xây dựng, lắp đặt thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến phát triển giao thông xanh và pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; không thực hiện việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này. Riêng việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

c) Trường hợp cần thiết sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp) theo đề nghị khai thác hỗn hợp của Bộ, ngành, địa phương khác (Bên đề xuất khai thác hỗn hợp) thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) quyết định việc khai thác hỗn hợp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa, pháp luật liên quan đến tài sản khác đó. Trong thời gian khai thác hỗn hợp, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và Bên đề xuất khai thác hỗn hợp có trách nhiệm phối hợp đảm bảo hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, xác định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan (trong đó có trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa). Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác hỗn hợp được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

d) Trường hợp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

“Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác

1. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài

sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện cơ chế giao khoán công việc như sau:

a) Việc cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện giao khoán công việc theo quy định tại khoản này chỉ áp dụng đối với tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý; không áp dụng đối với tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh trực tiếp tổ chức khai thác. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc thực hiện cơ chế giao khoán công việc.

b) Việc giao khoán được thực hiện đối với một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây:

Vận hành tài sản;

Bảo trì tài sản;

Thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;

Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.

c) Việc giao khoán vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b khoản này được thực hiện như sau:

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quyết định công việc giao khoán, đơn giá giao khoán cho từng công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã có trách nhiệm: Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán theo hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo hợp đồng đã ký kết.

3. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sử dụng để cung cấp dịch vụ khác (không phải là dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được cung cấp dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ đó, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và không làm ảnh

hưởng đến hoạt động bình thường của giao thông đường thủy nội địa.

4. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

Điều 28. Sửa đổi bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 5, 6 và 7 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

7. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 9 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hành lang an toàn đường thủy nội địa phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan,

đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 10 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá, do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 10 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê quyền khai thác tài sản căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán đã được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên thuê vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn thông báo và nộp tiền cho Bên cho thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 10 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 9 như sau:

“o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 5 Điều 16

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền; đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

b) Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá

theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (trong đó đề xuất cụ thể giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản): bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này: bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.”.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là tiền thu từ giá dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này (bao gồm cả số tiền thu được quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 12 Nghị định này) được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 8 Luật số 90/2025/QH15.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Nộp ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 24 Nghị định này. Riêng chi phí phục vụ công tác quản lý trong thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại điểm b khoản này được bố trí hằng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

d) Bên thuê quyền khai thác, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 10 Điều 14 và điểm g khoản 9 Điều 15 Nghị định này cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản vào tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan, đơn vị quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 10 Điều 14 và điểm g khoản 9 Điều 15 Nghị định này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.”.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy

nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc thu hồi tài sản: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.”.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý theo quy định, phân loại tài sản (bao gồm phân loại tài sản làm tài sản kết cấu hạ tầng khác).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.”.

3. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa từ bộ, cơ quan trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản

lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Riêng cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này.”.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 như sau:

“3. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình

cơ quan, người có thẩm quyền quy định khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản sao;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định

này. Bên giao thực hiện kê toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kê toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

g) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

h) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

i) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ năm nhận chuyển giao đến năm hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất (đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật), thông báo cho người có nhu cầu giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (đối với các trường hợp không phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật).

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán

tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định

tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 như sau:

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển theo phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản sao;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan, đơn vị có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách

nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa. Việc tổ chức thực hiện bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

“Điều 24. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước như sau:

Nộp ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý;

Nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

- a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.
- b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.
- c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.
- d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.
- đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.
- e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản phê duyệt để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường

xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

“a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản sao;

Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền.”.

Điều 38. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 12/2025/NĐ-CP

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng” tại toàn bộ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

2. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan quản lý đường thủy nội địa” tại khoản 4 Điều 2.

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định” tại khoản 2 Điều 6.

4. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại điểm c khoản 2 Điều 10.

5. Thay thế cụm từ “khoản 2, khoản 3 Điều 20” thành “các khoản 2, 3 và 3a Điều 20” tại khoản 6 Điều 5.

6. Bổ sung cụm từ “đ) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được điều chuyển sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 5 Nghị định này” vào khoản 1 Điều 7.

7. Thay thế cụm từ “báo cáo Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý)” thành “báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này” tại khoản 2 Điều 7.

8. Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15)” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý” tại điểm b khoản 2 Điều 23.

9. Thay thế cụm từ “sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định để làm nguyên giá tài sản” thành “sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 28 Nghị định này quyết định để làm nguyên giá tài sản” tại điểm d khoản 3 Điều 9.

10. Thay thế cụm từ “30 ngày” thành “15 ngày” tại khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 23.

11. Thay thế cụm từ “Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại Điều 24 Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản” thành “Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau

khi trừ chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản” tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 29.

12. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan, đơn vị quản lý tài sản” tại các khoản 3, 5 và 6 Điều 5, các Điều 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 25, 26 và 27, khoản 1 Điều 29, các Mẫu số 01A, 01B, 02B và 02C tại Phụ lục.

13. Thay thế cụm từ “cơ quan quy định tại” thành “cơ quan, đơn vị quy định tại” tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 5; thay thế cụm từ “CƠ QUAN...” thành “CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...” tại các Mẫu số 01B, 02B và 02C tại Phụ lục.

14. Thay thế cụm từ “điểm d khoản 1 Điều này” thành “điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này” tại điểm b khoản 5 Điều 7.

15. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản ở trung ương phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc” thành “cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao cho các tổ chức hành chính trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc” tại khoản 3 Điều 26.

16. Thay thế cụm từ “các đơn vị được phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện” thành “các tổ chức, đơn vị được phân cấp hoặc ủy quyền hoặc giao thực hiện” tại khoản 3 Điều 26.

17. Thay thế cụm từ “được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 8 Điều 24 Nghị định này” thành “được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 24 Nghị định này” tại điểm a khoản 5 Điều 29.

18. Thay thế cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15” tại Mẫu số 02B, 02C tại Phụ lục.

19. Thay thế cụm từ “Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngàytháng năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa” thành “Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../ND-CP ngày...../...../..... của Chính phủ” tại Mẫu số 01, 01A, 02B, 02C tại Phụ lục.

20. Bãi bỏ cụm từ “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp” tại khoản 3 Điều 7.

21. Bãi bỏ cụm từ “Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị xử lý tài sản trong trường hợp việc xử lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định: bản chính” tại điểm a khoản 3 Điều 23.

22. Bãi bỏ Mẫu số 02A.

Chương III
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
15/2025/NĐ-CP NGÀY 03 THÁNG 02 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN
KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4

“3. Khi thực hiện giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản. Việc có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và việc xác định tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia của các cơ quan, doanh nghiệp quy định tại khoản này được thực hiện bằng văn bản và thể hiện trong hồ sơ khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.”.

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định việc chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến chuyển hình thức giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trình Bộ Xây dựng quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được tính vào chi phí của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.”.

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15

“3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

a) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan; không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác và thực hiện khai thác theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến phát triển giao thông xanh và pháp luật về đường sắt; không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác và thực hiện khai thác theo quy định tại Nghị định này.

c) Trường hợp cần thiết sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp) theo đề nghị khai thác hỗn hợp của bộ, ngành, địa phương khác (Bên đề xuất khai

thác hỗn hợp) thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt) quyết định việc khai thác hỗn hợp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật liên quan đến tài sản khác đó. Trong thời gian khai thác hỗn hợp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và Bên đề xuất khai thác hỗn hợp có trách nhiệm phối hợp đảm bảo hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, xác định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan (trong đó có trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia).

Riêng việc quản lý, sử dụng số tiền thu được theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.

d) Trường hợp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“Điều 16. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia mà không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và không phải lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

2. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được sử dụng để cung cấp dịch vụ khác (không thuộc phạm vi dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thì doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được cung cấp dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ đó, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản thông qua việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân, gồm:

- a) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt.
- b) Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi.
- c) Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ.
- d) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, khám, chỉnh bị phương tiện, trang thiết bị vận tải đường sắt.
- đ) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.
- e) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng thông tin tín hiệu, viễn thông đường sắt.
- g) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao.
- h) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.

4. Xác định giá cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Đối với dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

b) Đối với dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (bao gồm cả các dịch vụ trước đây do cơ quan nhà nước định giá nhưng nay không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá), doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia xem xét, áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về giá.

5. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm ban hành quy chế cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả, không gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

6. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bằng nguồn vốn của doanh nghiệp theo quy định để phục vụ mục đích quản lý, khai thác tài sản tốt hơn mà không làm ảnh hưởng đến hình thức giao

quản lý tài sản, mục đích sử dụng của tài sản.

7. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trên kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá, do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản

phong toả là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan nhưng phải đảm bảo Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 7 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thời hạn thông báo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước tối đa là 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào ngân sách nhà nước trước khi thanh lý hợp đồng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 7 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản

theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để đảm bảo thực hiện hợp đồng, Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh

do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan nhưng phải đảm bảo Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 7 như sau:

“1) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (của Bên nhận chuyển nhượng theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thời hạn thông báo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước tối đa là 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào ngân sách nhà nước trước khi thanh lý hợp đồng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 7 như sau:

“o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 45. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 5 Điều 19

“a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì thành phần Hội đồng thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia hoặc người được ủy quyền, đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

b) Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (trong đó đề xuất cụ thể giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này: 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.”.

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 16

Nghị định này và các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 15 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định này, bao gồm cả số tiền thu được quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 15 Nghị định này (không bao gồm các dịch vụ thuộc phạm vi tính phí, lệ phí), doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.

Hàng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được từ việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại khoản 3 Điều 15, Điều 16 Nghị định này, xác định số phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên của quý sau liền kề.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sử dụng được thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, đo vẽ, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi:

Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì áp dụng theo các quy định đó;

Đối với các nội dung chi chưa có các căn cứ nêu trên thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

Đối với các chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được (như khấu hao tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác...) thì tập hợp và phân bổ theo tiêu chí thích hợp, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm, nhiệm vụ, công việc;

Riêng chi phí phục vụ công tác quản lý trong thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại điểm b khoản này được bố trí hằng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc cơ quan quản lý đường sắt quốc gia.

d) Bên thuê quyền khai thác tài sản, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 17 và của Điều 18 Nghị định này cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia vào tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước nơi doanh nghiệp quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 17 và Điều 18 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 17 và Điều 18 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.”.

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 như sau:

“1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản (bao gồm phân loại tài sản làm tài sản kết cấu hạ tầng khác) theo quy định.

b) Tài sản đã được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nhưng không còn nhu cầu sử dụng.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng hoặc từ Bộ Xây dựng sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên đối tượng quản lý tài sản đường sắt có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp có tài sản điều chuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận;

Thực hiện kê toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kê toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.”.

2. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt từ bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng để làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị điều chuyển để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc bộ, cơ quan trung ương, địa phương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt sang Bộ Xây dựng: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của Bộ Xây dựng về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Riêng cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương sang Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này. Sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý đường sắt chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 6 Nghị định này.”.

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã).”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 như sau:

“e) Doanh nghiệp có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho Bên nhận.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia (Bên giao) chậm bàn giao thì các khoản chi phí phát sinh do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chi trả và không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 6 như sau:

“đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.”.

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 25

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp: 01 bản sao;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường sắt theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường sắt. Việc tổ chức thực hiện bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung Điều 27

“Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào

ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

- a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.
- b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.
- c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.
- d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.
- đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.
- e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) hoặc có giá của Nhà nước quy định thì tính theo các quy định đó.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí.

5. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.

6. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cũ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư

của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của doanh nghiệp và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư là Bộ trưởng Bộ Xây dựng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”.

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32

“3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan; không phải lập, phê duyệt Đề án khai thác và thực hiện khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp có xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến phát triển giao thông xanh và pháp luật về đường sắt.

c) Trường hợp cần thiết sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp) theo đề nghị khai thác hỗn hợp của bộ, ngành, địa phương khác (Bên đề xuất khai thác hỗn hợp) thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) quyết định việc khai thác hỗn hợp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật liên quan đến tài sản khác đó. Trong thời

gian khai thác hỗn hợp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, Bên có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và Bên đề xuất khai thác hỗn hợp có trách nhiệm phối hợp đảm bảo hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, xác định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan (trong đó có trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị).

Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này.

d) Trường hợp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung Điều 33

“Điều 33. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác

1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị mà không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản và không phải lập Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

2. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được sử dụng để cung cấp dịch vụ khác (không thuộc phạm vi dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thì doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được cung cấp dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ đó, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản thông qua việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân, gồm:

- a) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt.
- b) Dịch vụ bảo quản hàng hóa, lưu kho, lưu bãi.

c) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, khám, chỉnh trang thiết bị, phương tiện vận tải đường sắt.

d) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.

đ) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng thông tin, tín hiệu, viễn thông đường sắt.

e) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao.

g) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.

4. Xác định giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này

a) Đối với dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

b) Đối với dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (bao gồm cả các dịch vụ trước đây do cơ quan nhà nước định giá nhưng nay không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá), doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xem xét, áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về giá.

5. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm ban hành quy chế cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả, không gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

6. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trên kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liên tiếp theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá, do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về bảo lãnh ngân hàng và pháp luật có liên quan, nhưng phải đảm bảo Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) theo cam kết bảo lãnh khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 7 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận

thuê theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thời hạn thông báo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước tối đa là 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào ngân sách nhà nước trước khi thanh lý hợp đồng.”.

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35

“4. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thì thành phần Hội đồng thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị hoặc người được ủy quyền, đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.”.

b) Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều này, kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá theo

quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (trong đó đề xuất cụ thể giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hằng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 7 Điều 34 Nghị định này.”.

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 36

“1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 33 Nghị định này và trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 32 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này, bao gồm cả số tiền thu được quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 32 Nghị định này (không bao gồm các dịch vụ thuộc phạm vi tính phí, lệ phí), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm quản lý số tiền được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp.

Hằng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được từ việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ

tầng đường sắt quy định tại khoản 3 Điều 32, Điều 33 Nghị định này, xác định số phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên của quý sau liền kề.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị được sử dụng thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Điều 34 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước (ngân sách địa phương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi:

Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì áp dụng theo các quy định đó;

Đối với các nội dung chi chưa có các căn cứ nêu trên thì người đại diện pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

Đối với các chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được (như khấu hao tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác...) thì tập hợp và phân bổ theo tiêu chí thích hợp, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm, nhiệm vụ, công việc.

Riêng chi phí phục vụ công tác quản lý trong thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại điểm b khoản này được bố trí hằng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt đô thị.

d) Bên thuê quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 34 Nghị định này cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị vào tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước nơi doanh nghiệp quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 34 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 34 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.”.

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 38

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định thu hồi tài sản.

Thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng

đường sắt đô thị gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, việc xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.”

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 39

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa

các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.”.

Điều 59. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 40

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản

(chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Doanh nghiệp có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị (Bên giao) chậm bàn giao thì các khoản chi phí phát sinh do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chi trả và không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.”.

Điều 60. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 41

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 25 Nghị định này.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Điều 43

“Điều 43. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường

sắt đô thị (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước (ngân sách địa phương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm các nội dung chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

3. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí.

5. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.

6. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của doanh nghiệp và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 44

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định

tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”.

Điều 63. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng” tại toàn bộ Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.

2. Thay thế cụm từ “khoản 2, khoản 3 Điều 23” thành “các khoản 2, 3 và 3a Điều 23” tại khoản 4 Điều 5.

3. Thay thế cụm từ “01 bản chính” thành “01 bản sao” tại điểm b khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 3 Điều 9, điểm a khoản 4 Điều 23.

4. Thay thế cụm từ “Bán vật liệu, vật tư thu hồi còn sử dụng được” thành “Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình đường sắt” tại điểm c khoản 5 Điều 25, khoản 8 Điều 41.

5. Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 42.

6. Thay thế cụm từ “30 ngày” thành “15 ngày” tại điểm b khoản 3 Điều 23, điểm b khoản 4, điểm c khoản 7 Điều 25, điểm a khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 4 Điều 38, điểm a khoản 3 Điều 42.

7. Thay thế cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15” tại Mẫu số 02B, Mẫu số 02C Phụ lục.

8. Thay thế cụm từ “Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt” thành “Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../ND-CP ngày...../...../..... của Chính phủ” tại các Mẫu số 01, 01A, 02B và 02C Phụ lục.

9. Bãi bỏ cụm từ “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao

tài sản chưa phù hợp”, “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp”, “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp”, “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp” tại khoản 4 Điều 9, khoản 4 Điều 10, điểm b khoản 4 Điều 24, điểm b khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 41.

10. Bãi bỏ Mẫu số 02A.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 84/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 4 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 64. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4

“3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan, đơn vị (Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý hàng hải, cơ quan quản lý tài sản) có trách nhiệm xác định tại hồ sơ khi giao, khai thác, xử lý tài sản. Việc có ý kiến trong trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, xác định tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia theo quy định tại khoản này được thể hiện bằng văn bản.”.

Điều 65. Bổ sung khoản 6 Điều 12

“6. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Trường hợp cần thiết sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp) theo đề nghị khai thác hỗn hợp của bộ, ngành, địa phương khác (Bên đề xuất khai thác hỗn hợp) thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải) quyết định việc khai thác hỗn hợp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hàng hải, pháp luật liên quan đến tài sản khác đó. Trong thời gian khai thác hỗn hợp, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Bên có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và Bên đề xuất khai thác hỗn hợp có trách nhiệm phối hợp đảm bảo giao thông thông suốt và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật, xác định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan (trong đó có trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải). Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác hỗn hợp này được thực hiện theo quy định tại

điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

b) Trường hợp có xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông trên tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì việc xây dựng, lắp đặt thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến phát triển giao thông xanh và pháp luật về hàng hải. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt trạm sạc pin điện thoại công cộng, trạm sạc pin phương tiện giao thông thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

c) Trường hợp sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 66.10/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

“Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sử dụng để cung cấp dịch vụ khác (không phải là dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được cung cấp dịch vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ đó, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải bình thường.

3. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 5, 6 và 7 thành khoản 5, khoản 6 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

6. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này xem xét phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý; trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 9 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng hàng hải, hành lang an toàn hàng hải phù hợp với quy định của pháp luật về hàng hải), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liên tiếp theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh

thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 10 như sau:

“n) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 như sau:

“17. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất, mặt nước gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 10 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 19 như sau:

“19. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về hàng hải và pháp luật có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hằng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này quyết định giá trị hoàn trả hoặc thời gian kéo dài; trường hợp thực hiện hoàn trả thì số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê để thực hiện; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.”.

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu thông qua bên thứ ba về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải (bằng “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh” của bên thứ ba);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 9 như sau:

“1) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyên nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyên nhượng vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn thông báo và nộp tiền cho Bên chuyên nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyên nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 9 như sau:

“o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan; trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ Bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện nếu Bên nhận chuyển nhượng vi phạm quy định về bàn giao lại tài sản cho Bên chuyên nhượng.”.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là giá thu cố định ban đầu thấp nhất của toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác khi đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản.

b) Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 6 như sau:

“a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá thu cố định (đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản), thẩm định giá chuyển nhượng có thời hạn (đối với trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản) hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá làm cơ sở để xác định giá khởi điểm giá thu cố định (đối với trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản), xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn (đối với trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản).

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và quy định sau: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có tối thiểu 03 thành viên trong Hội đồng thẩm định giá (trong đó: Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá là người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền; đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản là thành viên); các thành viên khác là đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.

b) Trên cơ sở các căn cứ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (trong đó đề xuất cụ thể giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản): bản chính;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này: bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải nhưng không thành thì sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải như sau:

a) Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định lại giá khởi

điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

b) Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.”.

Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều 17

“Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và các trường hợp quy định tại khoản 4, điểm a, điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tiền thu từ giá sử dụng dịch vụ và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này (bao gồm cả số tiền thu được quy định tại khoản 4, điểm a, điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định này) được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 8 Luật số 90/2025/QH15.

2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước như sau:

Nộp ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; chi phí thuê

kiểm toán độc lập để phục vụ việc kiểm tra sổ sách kế toán, kết quả kinh doanh khai thác tài sản thuê của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng (nếu có); chi phí giải quyết tranh chấp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (nếu có); các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 25 Nghị định này. Riêng chi phí phục vụ công tác quản lý trong thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại điểm b khoản này được bố trí hằng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

d) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm e khoản 10 Điều 14, điểm g khoản 9 Điều 15 Nghị định này, cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này không bao gồm chi phí phục vụ công tác quản lý được bố trí hằng năm vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại điểm e khoản 10 Điều 14, điểm g khoản 9 Điều 15 Nghị định này, cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

đ) Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.”.

Điều 71. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý, phân loại tài sản (bao gồm phân loại tài sản làm tài sản kết cấu hạ tầng khác) theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm

quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương.

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào

sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này;

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.”.

3. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị

được tiếp nhận tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền; trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Riêng cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương, cơ quan tiếp nhận tài sản điều chuyển từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương (đối với tài sản điều chuyển sang Bộ Xây dựng), cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản điều chuyển sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 7 Nghị định này.”.

Điều 72. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 21

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã) để quản lý, xử lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5 và 6 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần chuyển giao, cơ quan quản

lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản tiếp nhận chuyển giao trong trường hợp chuyển giao tài sản từ Bộ Xây dựng về; cơ quan chức năng tiếp nhận tài sản chuyển giao quy định tại điểm b khoản Điều này trong trường hợp còn lại); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Cơ quan có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc

bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận; thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao, bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

h) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ năm nhận chuyển giao đến năm thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

i) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản giao nhiệm vụ đề nghị được tiếp nhận tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản trong trường hợp xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý); danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định chuyển giao tài sản và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản

công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 22 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất (đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật), thông báo cho người có

nhu cầu giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (đối với các trường hợp không phải thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật).

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý ở trung ương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 như sau:

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật

liệu, vật tư thu hồi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển theo phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính; văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản sao;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này xem xét, quyết định; trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan, đơn vị có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình hàng hải:

Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật

tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình hàng hải. Việc tổ chức thực hiện bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng lại được cho công tác bảo trì công trình hàng hải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

Điều 74. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 24

“2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đang quản lý tài sản thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm những nội dung chủ yếu sau:

Tên doanh nghiệp quản lý tài sản.

Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản).

Hình thức giao tài sản: Theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Căn cứ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm b khoản này, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho doanh nghiệp được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là

Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp) quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm những nội dung chủ yếu quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

c) Căn cứ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm b khoản này, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giao cho doanh nghiệp được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.”.

Điều 75. Sửa đổi, bổ sung Điều 25

“Điều 25. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Nộp ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý;

Nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

- a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.
- b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.
- c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.
- d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản phê duyệt để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cũ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu

hạ tầng hàng hải cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

Điều 76. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 26

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng

hải đề tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên cơ quan có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho nhà đầu tư.”.

Điều 77. Thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP

1. Thay thế cụm từ “khoản 2, khoản 3 Điều 20” thành “các khoản 2, 3 và 3a Điều 20” tại khoản 6 Điều 5.

2. Thay thế cụm từ “tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này, báo cáo Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý)” thành “tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này” tại khoản 2 Điều 7.

3. Thay thế cụm từ “bản chính” thành “bản sao” tại điểm b khoản 2 Điều 7.

4. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định” tại khoản 2 Điều 6 và điểm b khoản 2 Điều 19.

5. Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 23.

6. Thay thế cụm từ “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp”, “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp”, “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp”, “hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp” thành “trường hợp từ chối thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do” tại khoản 4 Điều 7, điểm b khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 4 Điều 22.

7. Thay thế cụm từ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024” thành “Luật Quản lý,

sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15” tại Mẫu số 02B, Mẫu số 02C Phụ lục.

8. Thay thế cụm từ “Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải” thành “Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số...../...../ND-CP ngày...../...../..... của Chính phủ” tại các Mẫu số 01, 01A, 02B và 02C Phụ lục.

9. Bãi bỏ Mẫu số 02A.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 78. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các thẩm quyền trong giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các địa phương thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền của địa phương được giữ tên sau sáp nhập, hợp nhất.

2. Đối với các thẩm quyền trong giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Bộ trưởng Bộ Xây dựng chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp hoặc quy định đã được Bộ trưởng ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện thủ tục giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải, trường hợp đã thực hiện một phần nhiệm vụ, công việc nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành (theo quy định tại các Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024, số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025, số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025, số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025) thì tiếp tục thực hiện các công việc chưa hoàn thành theo quy định tại Nghị định này; trường hợp có thay đổi về đối tượng thực hiện và thẩm quyền quyết định thì thực hiện chuyển giao

toàn bộ hồ sơ, tài liệu, kết quả đã thực hiện cho đối tượng tiếp nhận để tiếp tục thực hiện, giải quyết theo trình tự, thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

Điều 79. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai Nghị định này; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành không phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định này để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý, tránh thất thoát, lãng phí tài sản.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải quy định tại Nghị định này nếu không đồng ý với đề nghị giao, phê duyệt Đề án khai thác, xử lý tài sản thì phải có văn bản hồi đáp nêu rõ lý do không đồng ý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải có giá trị lớn và có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân bất khả kháng khác gây ra được mua bảo hiểm để chủ động đối phó có hiệu quả và chuyển giao rủi ro theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật có liên quan. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng hải thuộc phạm vi quản lý.

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ các Điều sau:

a) Bãi bỏ Điều 16, Điều 19 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Bãi bỏ các Điều 7, 10, 11 và 12 Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà